

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

2. Ông Lê Hồng Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Kim H, sinh năm 1964, địa chỉ: Tổ 3, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn A, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 207/34 đường LL, tổ 3, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-3-2019, bản tự khai ngày 27-3-2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Bùi Thị Kim H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn A tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05-02-1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Lê Văn A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn A.

Về con chung: Bà và ông Lê Văn A có 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 08-9-1991. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, và không cho ai vay mượn tài sản.

Tại bản tự khai ngày 21-5-2019 bị đơn ông Lê Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như bà Bùi Thị Kim H trình bày về quan hệ hôn nhân. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, vợ

chồng không sống chung với nhau đã 07 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà Bùi Thị Kim H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà Bùi Thị Kim H có 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 08-9-1991. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, và không cho ai vay mượn tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn A đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim H và ông Lê Văn A tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã HM, huyện NH, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05-02-1990 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình và quan điểm không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bà H và ông A không sống chung đã 07 năm nay. Từ đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông Lê Văn A, tại bản tự khai ngày 21-5-2019 ông A đồng ý ly hôn vì vợ chồng sống chung có mâu thuẫn. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà H chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị Kim H, bà Bùi Thị Kim H ly hôn ông Lê Văn A.

Về con chung: Bà Bùi Thị Kim H và ông Lê Văn A có 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 08-9-1991. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không cho ai vay mượn tài sản.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Bùi Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[3] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim H được ly hôn ông Lê Văn A.

2/ Về con chung: Bà Bùi Thị Kim H và ông Lê Văn A có 01 con chung là Lê Văn H, sinh ngày 08-9-1991. Hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

3/ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0001121 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn ông Lê Văn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Hành Minh, H. Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng